

Soạn văn lớp 10:

Bài Nhàn

Mẫu 1. Soạn bài: Nhàn (Nguyễn Bỉnh Khiêm) (ngắn nhất)

Bố cục

- 6 câu đầu: cuộc sống và lẽ sống “nhàn” của tác giả
- 2 câu cuối: Chiêm nghiệm về cuộc đời

1.1. Câu 1 (Trang 129 sgk ngữ văn 10 tập 1)

Nhịp điệu của câu thơ gợi lên sự ung dung, thông thả:

Một mai/ một cuộc,/ một cần câu (2/2/3)

Thơ thần đâu ai/ vui thú nào (4/3)

- Tâm trạng ung dung tự tại trong những công việc lao động hàng ngày
- Cuộc sống nghèo, thanh nhã, đạm bạc cho thấy nhà thơ có nhu cầu sống khiêm tốn, bình dị.

1.2. Câu 2 (Trang 129 sgk ngữ văn 10 tập 1)

Sử dụng nghệ thuật đối: dại >< khôn, vắng vẻ >< lao xao, ta >< người

- Quan điểm sống của tác giả, có chút mỉa mai, ngạo nghễ
- + Tác giả tự nhận mình “ngu” dại, đây là cái ngu dại của bậc đại trí (đại trí như ngu), thực chất là “khôn”
- + Ông khiêm tốn, không khoe khoang đây là cái thức của người trí nhân
- Vắng vẻ: không phải xa lánh cuộc đời mà là được tìm nơi thoải mái, sống hòa nhập với thiên nhiên, xa chốn quan trường để giữ nhân cách thanh cao
- Chốn lao xao: ý nói chốn quan trường tuy quyền quý, cao sang xong phải đối chọi, bon chen
- Nghệ thuật đối lập khẳng định triết lý sống của tác giả, ông mượn cách nói đời thường để diễn đạt quan niệm sống của mình- xa lánh vinh hoa phú quý để sống an yên, tự tại

1.3. Câu 3 (Trang 129 sgk ngữ văn 10 tập 1)

Cảnh vật, khung cảnh bình dị, đạm bạc mà thanh cao hòa nhập với đời sống thiên nhiên

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá

Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao

Nhịp thơ: 1/3/1/2 gợi tả khung cảnh sinh hoạt của tác giả trong từng mùa, cách sống nhàn là hòa với tự nhiên

+ Mỗi mùa một thức: thu- trúc, đông- giá, xuân- hồ sen, hạ- ao

+ Mọi sinh hoạt đều gắn liền với cuộc sống ở quê chất phác, đạm bạc mà thanh cao

+ Tác giả thấy hứng thú, vui vẻ khi hòa nhịp với thiên nhiên

→ Sự thanh thản, ung dung trong cuộc sống nhàn ấy tỏa sáng nhân cách của bậc trí nhân

- Cảnh thú cảnh sống nhàn ẩn dật mang triết lí của nho sĩ: trong lúc loạn lạc, người có nhân cách thanh cao là người xa lánh cuộc bon chen tầm thường để tìm đến nơi yên tĩnh

Sự vui thú sống hòa mình với thiên nhiên, vũ trụ và giữ được nhân cách thanh cao, trong sạch.

1.4. Câu 4 (trang 130 sgk ngữ văn 10 tập 1)

Diễn tích vua Thuần Vu, thể hiện quan điểm sống mang tính triết lý của tác giả- bậc trí giả uyên thâm, từng ra vào chốn quan trường hiểm ác.

- Tác giả muốn giữ sự thanh cao, trong sạch trong tâm hồn: xem phú quý tựa chiêm bao, phù phiếm...

- Sự suy thịnh thuộc về quy luật của vũ trụ, triều đại, đất nước, vì vậy nhà Nho chân chính đều tự ý thức được sự cao quý của bản thân, vì vậy cần giữ tâm hồn thanh sạch, không bị thói đời đua chen làm hoen ố.

- Hai câu cuối cho thấy tâm hồn, nhân cách của Nguyễn Bình Khiêm là kẻ sĩ thanh cao, liêm khiết

1.5. Câu 5 (trang 130 sgk ngữ văn 10 tập 1)

Quan niệm sống Nhân (Nguyễn Bình Khiêm) không phải rũ bỏ thế sự để nhàn tản, không phải sự nhàn tản của bản thân mà phó mặc dân chúng

+ Ông sống hòa hợp với tự nhiên, thuận tự nhiên, rời bỏ danh lợi để giữ cốt cách thanh cao

+ Ông vẫn lo cho vận nước sức dân, nhà thơ tìm đến “say” nhưng để “tỉnh” nhận ra phú quý chỉ là phù du, phù phiếm

+ Ông luôn bộc trực, không thờ ơ trước tình cảnh của dân chúng (ông dẫu sợ xin vua chém mười tám lộng thần)

→ Quan niệm sống nhân của ông chứa đựng yếu tố tích cực khác với lối sống “độc thiện kì thân”

1.6. Luyện tập

Bài 1 (Trang 130 sgk ngữ văn 10 tập 1)

Nguyễn Bình Khiêm (1549 -1585), chứng kiến cảnh sống ngang trái, bất công trong triều đại phong kiến Việt Nam.

- Ông là người ngay thẳng nên từng dẫu sợ chém đầu những tên nịnh thần, vua không nghe nên ông cáo quan về quê với triết lý: Nhân một ngày là tiên một ngày.

- Tư tưởng, triết lý sống của ông là tư tưởng của đạo nho, ứng xử trong thời loạn, sống chan hòa với thiên nhiên, giữ tâm hồn thanh cao.

- Nhân cách của Nguyễn Bình Khiêm: thanh cao, trong sạch

Nhàn là chủ đề lớn trong thơ của Nguyễn Bình Khiêm, theo quan niệm của ông: sống tự nhiên, không màng danh lợi, đó cũng là triết lý nhân sinh độc đáo của nhà thơ.

- Cuộc sống của Nguyễn Bình Khiêm qua bài thơ Nhân: giản dị, đạm bạc mà thanh cao, trong sạch

+ Vui thú với lao động, nguyên sơ, chất phác

+ Không ganh tị với đời, với người, vẫn ung dung, ngạo nghễ

- Những hình ảnh dân dã, đời thường trong lối sinh hoạt của tác giả:

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,

Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao

+ Cuộc sống hòa mình với thiên nhiên, thanh tao trong cách ăn uống, sinh hoạt

+ Niềm vui, sự tự tại của tác giả thú vị vô cùng

- Hai câu thơ thực, thấy rõ tâm trạng, lối sống “nhàn” của tác giả:

+ Nghệ thuật đối lập: ta >< người, khôn >< dại, vắng vẻ >< lao xao

+ Suy nghĩ của bậc đại trí, tránh xa chôn quan trường thị phi

+ Ý thơ ngược với câu chữ, liên tưởng hóm hỉnh, sâu cay

- Hai câu kết: tâm thế ung dung tự tại, xem thường phú quý

+ Sử dụng điển tích vua Nghiêu Thuấn để thể hiện nhân quan tỏ tường của nhà thơ.

Phú quý chỉ là phù du, hư ảo như giấc chiêm bao.

→ Bài thơ là lời tâm sự thâm trầm, sâu sắc, quan niệm sống nhàn hòa hợp với tự nhiên, giữ cốt cách, xem thường danh lợi.

Mẫu 2. Soạn bài: Nhàn (Nguyễn Bỉnh Khiêm) (ngắn nhất)

2.1. Câu 1 (trang 129 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1)

Cách dùng số từ, danh từ trong câu thơ thứ nhất và nhịp điệu hai câu thơ đầu có một số điểm đáng chú ý:

+ Số từ “một... một... một...” cho thấy tác giả chủ động với công việc

+ Nhịp thơ 2/2/3 tạo sự thanh thoi, nhàn nhã

+ Chữ “ai” ở câu thơ thứ hai để nói với người: dù cho người ta có “vui thú nào” thì ông vẫn vui vẻ với cuộc sống thôn dã

- Hai câu thơ ấy cho ta thấy cuộc sống nhàn nhã ở nơi thôn dã của tác giả. Ông vui vẻ, hài lòng với đời sống “tự cung tự cấp”, đồng thời hai câu thơ cũng cho thấy sự ngông ngạo trước thói đời. Ngông ngạo mà không ngang tàng vẫn cứ thuần hậu, nguyên thủy

2.2. Câu 2 (trang 129 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1)

Cách hiểu về “nơi vắng vẻ” và “chốn lao xao”:

- + “nơi vắng vẻ”: là nơi không người cầu cạnh ta và ta cũng không cầu cạnh người; là nơi tĩnh tại của thiên nhiên và nơi thanh thoi của tâm hồn.
- + “chốn lao xao”: chốn quan trường, đường hoạn lộ; nơi sang trọng, đầy thủ đoạn, bon chen, luồn lọt, sát phạt
- Quan điểm của tác giả về “dại” và “khôn”: tác giả tự nhận mình là người “dại”, chấp nhận mọi điều tiếng để “tìm nơi vắng vẻ”, nhường người “khôn” đến “chốn lao xao”. Ông đã trải đời đã tận hiểu sự đua chen, trói buộc của vòng danh lợi, bởi thế ông phải tay với những sự đua chen ở "chốn lao xao". Tự nhận là "dại", song thực chất là "khôn", cũng giống như những người trải nghiệm, cứ luẩn quẩn trong vòng danh lợi, cứ nghĩ mình "khôn" nhưng thực chất là "dại".
- Tác dụng biểu đạt ý của nghệ thuật đối trong hai câu thơ 3 và 4: tạo sự so sánh giữa hai triết lí sống, qua đó khẳng định triết lí sống của tác giả.

2.3. Câu 3 (trang 129 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1)

Các sản vật và khung cảnh sinh hoạt trong hai câu thơ 5, 6 có những điểm đáng chú ý:

- + Thức ăn quê mùa, dân dã: măng trúc, giá đỗ
- + Sinh hoạt: thích tắm hồ, tắm ao như bao người dân quê khác
- + Hai câu thơ tạo thành bức tranh tứ bình về cảnh sinh hoạt với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, có mùi vị, có hương sắc.
- Hai câu thơ cho thấy cuộc sống của Nguyễn Bình Khiêm đạm bạc mà thanh cao. Sự đạm bạc ở những thức ăn cây nhà lá vườn, tự mình làm ra, là công sức của chính mình. Cuộc sống tự nhiên mùa nào thức ấy, không hề nặng nề, ảm đạm mà trái lại nó thanh cao, bình dị.

2.4. Câu 4 (trang 130 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1)

Hai câu thơ cuối thể hiện vẻ đẹp trí tuệ của Nguyễn Bình Khiêm. Với cái nhìn thông tuệ của mình, ông tìm đến “say” để “tĩnh”. Hình ảnh một ông già ngồi một mình bên gốc cây uống rượu hiện lên với vẻ thoải mái nhưng “lạc lõng”. Nhiều năm trong chốn quan trường kia để ông nhận ra công danh, của cải, quyền quý chỉ là giấc chiêm bao. Đây là cái nhìn của một nhân cách lớn, một trí tuệ lớn.

2.5. Câu 5 (trang 130 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1)

Quan niệm sống của Nguyễn Bình Khiêm là: sống hòa hợp với tự nhiên và xa lánh nơi quyền quý, chốn quan trường để giữ cốt cách thanh cao. Với ông, sống nhàn không có nghĩa là không quan tâm đến xã hội, chỉ lo cuộc sống nhàn tản của bản thân mà sống nhàn là cuộc sống xa lánh nơi quyền quý, rời khỏi vòng danh lợi, sống hòa hợp với tự nhiên. Cuộc sống như vậy sẽ vất vả nhưng nó đem đến cho ông sự thoải mái trong tâm hồn, giữ được sự thanh sạch trong đời mình.

2.6. Luyện tập

Vẻ đẹp cuộc sống và tâm hồn của Nguyễn Bình Khiêm qua bài thơ "Nhàn"

Nguyễn Bình Khiêm là người có học vấn uyên thâm, là nhà thơ lớn của dân tộc. Thơ của ông mang đậm chất triết lý giáo huấn, ngợi ca chí khí của kẻ sĩ, thú thanh nhàn, đồng thời cũng phê phán những điều sống trong xã hội. “Bạch Vân quốc âm thi tập” một tập thơ tiêu biểu trong sáng tác của Nguyễn Bình Khiêm và “Nhàn” là một trong những bài thơ tiêu biểu trong tập thơ này. Bài thơ đã thể hiện vẻ đẹp trong cuộc sống và tâm hồn của nhà thơ.

Với những ngôn từ giản dị, tác giả viết:

*“Một mai, một cuốc, một cần câu
Thơ thần đâu ai vui thú nào”*

Hai câu thơ đầu được mở ra với những dụng cụ lao động quen thuộc của người dân, làm hiện lên hình ảnh một ông lão nông dân với cuộc sống thanh thoi của mình. Câu thơ đưa ta trở về với cuộc sống chất phác nguyên sơ của cái thời "nước giếng đào, cơm cày ruộng". câu đầu còn là cái tâm thế nhàn tản, thong dong. Nhịp

câu thơ nghe như nhân vật trữ tình đang nhẹ nhàng đếm bước: một... một... một... Tất cả điều đó làm hiện lên một cuộc sống thôn quê nhàn nhã, dù cho ai đang vui với bất kì thú vui nào, ta vẫn mặc đó, ta vui với thú vui giản dị của ta.

Hai câu thơ sau được nối tiếp với những món ăn dân dã theo mùa, những hoạt động thể hiện lối sống nhàn, hòa mình với cuộc sống bình dị:

*"Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao."*

Vẫn là những ngôn từ giản dị, vẫn là những hình ảnh nghệ thuật dân dã, đời thường. Thu với măng trúc, đông với giá – những món ăn quen thuộc, không chút cầu kì cho thấy một cuộc sống giản dị vô cùng. Những sinh hoạt trong cuộc sống cũng thể hiện lối sống thanh sạch ấy: tắm ở hồ sen và tắm ao. Cuộc sống của Nguyễn Bình Khiêm dường như chẳng còn chút gợn gì về một vị quan lớn của triều đình. Đây là một cuộc sống thanh cao trong cách ăn uống sinh hoạt và cả trong cái niềm thích thú khi được hòa mình vào cuộc sống thiên nhiên.

Không chỉ đẹp trong cuộc sống, Nguyễn Bình Khiêm còn thể hiện vẻ đẹp trong tâm hồn, nhân cách của bản thân khi đưa ra những quan niệm sống của mình:

*Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn, người đến chốn lao xao.*

Quan niệm của tác giả về “dại” và “khôn” của “ta” và “người” thật khác lạ. Ta là kẻ “dại” nên tìm nơi thôn quê dân dã để về, người “khôn” người vào với trồn quan. Sau những năm tháng làm quan trong triều, Nguyễn Bình Khiêm hiểu ra những góc khuất của trồn này. Và Tuyết Giang phu tử về với thiên nhiên là để thoát ra khỏi vòng danh lợi, thoát ra khỏi chốn nhiễu nhương đầy những ganh tị, bon chen. Phải là một người từng trải mới có thể nhận ra cái dại, cái khôn ở đời. Điều này khiến người đọc ngẫm ra ai mới là kẻ “dại”, ai mới là người “khôn”.

Hai câu thơ kết khép lại bằng một phong thái ung dung tự tại:

Rượu đến cội cây, ta sẽ uống

Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.

Hai câu thơ cuối là nét vẽ cuối cùng trong bức tranh về cuộc sống nhàn, ở đó nhân vật đang ngồi dưới gốc cây uống rượu để ngẫm về sự đời. Hóa ra, trong cuộc sống nhàn kia lại có biết bao bận khoản, trăm trở, chứa đựng những nỗi niềm riêng. Đó là khát khao được đem sức của mình ra để phục vụ việc triều chính nhưng đành bất lực trước thế sự trước mắt. Đến đây, ta ngẫm ra một sự thật rằng phú quý, giàu sang chỉ như giấc mơ mà ai ai cũng muốn được với tới. Và chỉ có những người đã thoát ra khỏi trôn quan trường kia mới biết cuộc sống dân già mới đáng quý thế nào.

Bài thơ không chỉ phác họa một bức tranh bốn mùa với những thức ăn, hoạt động dân già mà ở đây nó còn thể hiện chân dung của con người hòa mình trong cuộc sống thôn quê, chất phác với những nét đẹp trong cuộc sống và nhân cách, tâm hồn.